

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST.

Ngày: 04-4-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Hồ Văn Thái.

+ Ông Đoàn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị N** - Sinh năm: 1963, địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Đinh Quỳnh D** - Sinh năm: 2001, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (Hợp đồng ủy quyền ghi ngày 22/10/2024 được chứng thực ngày 23/10/2024 tại UBND thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre, chị D vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn X** - Sinh năm: 1969; địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình

bày: Ngày 09/4/2018, bà N có cho ông X vay số tiền là 120.000.000VNĐ (một trăm hai mươi triệu đồng), hai bên không có thỏa thuận cụ thể thời hạn trả tiền mà chỉ thỏa thuận là khi nào cần lấy lại tiền thì bà N thông báo cho ông X biết trước ba mươi ngày. Ngày 20/8/2023, ông X có ký vào giấy xác nhận là có vay của bà N số tiền trên. Tháng 10 năm 2023, bà N có yêu cầu ông X trả tiền nhưng ông X không trả cho bà N khoảng tiền nào. Do vậy, bà N yêu cầu ông X phải trả cho bà N số tiền đã vay là 120.000.000VNĐ (một trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn X vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với ông X có địa chỉ tại ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông X được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 09/12/2024, chị D (người đại diện theo ủy quyền của bà N) có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông X vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, ông X theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là bà N có cho ông X vay 120.000.000VNĐ (một trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 09/4/2018 đến ngày 20/8/2023 mới làm giấy xác nhận. Ông X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã tổng đạt theo quy định của pháp luật đối với Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo giao nộp chứng cứ nhưng ông X không có ý kiến phản đối đối với giấy xác nhận mà bà N cung cấp. Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, giấy xác nhận ngày 20/8/2023, xác định được ông X có vay của bà N số tiền là 120.000.000VNĐ (một trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 09/4/2018.

[3.2] Ông X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có trả được khoản tiền nào cho bà N theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án, bà N cũng xác định ông X chưa có trả khoản tiền nào cho bà nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận là ông X vẫn còn nợ bà N số tiền vay là 120.000.000VNĐ (một trăm hai mươi triệu đồng) nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3.3] Về lãi suất, tiền lãi: Ông X vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả khoản tiền lãi nào cho N. Giấy xác nhận ngày 20/8/2023 không ghi nhận các bên có thỏa thuận về việc trả lãi. Bà N không yêu cầu ông X trả tiền lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà N được chấp nhận nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền vay còn nợ là 120.000.000VNĐ (một trăm hai mươi triệu đồng), ghi nhận bà N không yêu cầu trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Bà Võ Thị N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2) Buộc ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ nộp 6.000.000VNĐ (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên